

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15/5/2020

*“V/v tranh chấp về
ly hôn và con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Quý Đông

2. Ông Nguyễn Hữu Mùi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2019 về việc tranh chấp về ly hôn và con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 13/4/2020 và Thông báo về việc mở phiên tòa số 10/2020/TB-HNGĐ ngày 29/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy D – sinh năm 1987.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trú tại: Thôn N 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn G – Sinh năm 1983.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trú tại: Thôn N 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị D có mặt, anh G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tiếp theo tại tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thùy D trình bày: Chị và bị đơn là anh Trần Văn G tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2008 tại UBND xã H, huyện N, thành phố N1, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại Nam Định một thời gian rồi chuyển về chung sống tại thôn N 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng lối sống, quan điểm sống

không hợp, anh G xúc phạm, đánh đập chị. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Nguyễn Khánh L – sinh ngày 02/12/2009 và Trần Đức M – sinh ngày 21/11/2015. Ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trình bày tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phía bị đơn là anh Trần Văn G trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị D trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh thường xuyên nhắc nhở chị D về các mối quan hệ xã hội dẫn đến vợ chồng bất đồng và cãi nhau, đã có lần anh tát chị D. Nay chị D xin ly hôn anh, quan điểm của anh là xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Như chị D trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nguyễn Khánh L và để chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Đức M, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo về việc mở phiên tòa cho anh Trần Văn G. Anh Trần Văn G vẫn sinh sống tại địa phương nhưng thường xuyên đi vắng, do vậy Tòa án không tổng đạt trực tiếp được Quyết định xét xử, Thông báo về việc mở phiên tòa cho anh Trần Văn G nên đã niêm yết những văn bản tố tụng trên tại địa phương. Tại phiên tòa ngày 29/4/2020, anh Trần Văn G vắng mặt không có lý do nên Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, anh G vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy Tòa án căn cứ vào Điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh G.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Cho Nguyễn Thùy D được ly hôn anh Trần Văn G.

2. Về con chung: Xử: Giao cho chị Nguyễn Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Đức M – sinh ngày 21/11/2015 và giao cho anh Trần Văn G trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nguyễn Khánh L – sinh ngày 02/12/2009. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia.

Chị Nguyễn Thùy D, anh Trần Văn G có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy D và anh Trần Văn G tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 20/10/2018 tại UBND xã H, huyện N, thành phố N1, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại Nam Định một thời gian rồi chuyển về chung sống tại thôn N 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng lối sống, quan điểm sống không hợp, có lần anh G đã tát chị D. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương đều thể hiện chị D và anh G trong cuộc sống có nhiều mâu thuẫn phát sinh. Các phiên hòa giải tại Tòa án, cả chị D và anh G đều xác nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng lối sống, quan điểm sống không hợp, có lần anh G đã đánh chị D. Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh G, tuy nhiên, anh G thường xuyên vắng mặt tại nhà và không nhận các văn bản tố tụng. Vì vậy, việc anh G xin đoàn tụ là không có căn cứ để chấp nhận. Việc chị D xin ly hôn chị Giáp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị D, anh G xác nhận có 02 con chung là Trần Nguyễn Khánh L – sinh ngày 02/12/2009 và Trần Đức M – sinh ngày 21/11/2015. Hiện cả 02 con chung đều đang sống cùng chị D, anh G. Ly hôn, chị D đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của anh G: Nếu phải ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nguyễn Khánh L và để chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Đức M và cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào các tài liệu Tòa án thu thập được thì hiện nay chị D, anh G đều đang làm lao động tự do trên địa bàn xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Chị D, anh G đều có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện và khả năng nuôi con, nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị D, anh G đều chính đáng nên cần giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị D, anh G đều xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Cho Nguyễn Thùy D được ly hôn anh Trần Văn G.

2. Về con chung: Xử: Giao cho chị Nguyễn Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Đức M – sinh ngày 21/11/2015 và giao cho anh Trần Văn G trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nguyễn Khánh L – sinh ngày 02/12/2009. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia.

Chị Nguyễn Thùy D, anh Trần Văn G có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy D phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0003394 ngày 13/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Chị D đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị D có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh G vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Thi hành án dân sự.
- UBND xã C.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn